TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 865/2023/HS-PT Ngày: 17-11- 2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Minh Tâm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Minh**

Ông **Phạm Văn Công**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Duẩn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trí Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 653/2023/TLPT – HS ngày 30 tháng 8 năm 2023, đối với các bị cáo Lâm Hữu S, Đỗ Quốc B, Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1436/2023/QĐPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo Lâm Hữu S, sinh năm 1974, tại: tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Số A H, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Con ông Lâm B1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Kim N (đã ly hôn) và 01 con; Tiền sự: Không;

Tiền án: 05 lần:

- Ngày 13/02/2001 bị bắt về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 18 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/HSST ngày 15/5/2001.

- Ngày 11/01/2004 bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 12 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/HSST ngày 28/4/2004;

- Ngày 24/6/2005 bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 07 năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2005/HSST ngày 16/12/2005;

- Ngày 05/02/2006 bị bắt về hành vi trốn khỏi nơi giam giữ, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù, về tội "Trốn khỏi nơi giam giữ", tổng hợp với 07 năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 132/2005/HSST ngày 16/12/2005 buộc chấp hành hình phạt chung là 08 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 49/2006/HSST ngày 10/4/2006;

- Ngày 13/8/2013 bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 08 năm tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 17/01/2014. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2020;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 24/6/2022, chuyển tạm giam ngày 30/6/2022;

2. Bị cáo Đỗ Quốc B, sinh ngày 16/6/1996, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: A7, Lầu G, P, Chung cư E, phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Đỗ Tập C và bà Nguyễn Thị Thanh H; Bị cáo chưa có vợ con.

Ngày 20/12/2016 bị bắt về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tại bản án hình sự sơ thẩm số 190/2017/HSST ngày 21/9/2017. Đã chấp hành xong hình bản án ngày 22/8/2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 27/6/2022, chuyển tạm giam ngày 04/7/2022;

3. Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh ngày 27/10/1982, tại tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Tạm trú: ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Con ông Nguyễn Văn B2 (chết) và bà Trương Thị T1; Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân: Ngày 26/5/2011 bị bắt về hành vi cướp giật tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2011/HSST ngày 26/8/2011. Chấp hành xong bản án ngày 26/4/2013.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 09/9/2022

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Hữu S: Luật sư Hồ Hoài N1, Đoàn luật sư Thành phố H.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quốc B: Luật sư Trịnh Bá T2, Đoàn luật sư Thành phố H.

(Trong vụ án này có các bị cáo khác, người bị hại nhưng không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2022 đến tháng 7 năm 2022, Nguyễn Thị Thanh T3 đã nhiều lần sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario màu đỏ đen, biển số 63C1-056.26 đến Thành phố Hồ Chí Minh mua tiền giả, loại polyme mệnh giá 500.000 đồng/tờ của đối tượng tên M (không rõ họ tên, địa chỉ) số tiền 159.000.000 đồng, với tỉ lệ khoảng 1:10 (tức là 1.000.000 đồng tiền thật mua 10.000.000 đồng tiền giả) với mục đích mang về thành phố M bán lại để hưởng tiền chênh lệch theo tỉ lệ khoảng 1:3 (tức là 1.500.000 đồng tiền thật mua 5.000.000 đồng tiền giả; 2.500.000 đồng tiền thật mua 10.000.000 đồng tiền giả);

T3 sử dụng số điện thoại 0839963837 để mở tài khoản Zalo tên "Bé N2"; mở tài khoản số 247871993 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (V2) - Chi nhánh tỉnh T và tài khoản số 71110000451691 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (B3) - Chi nhánh tỉnh T, 02 tài khoản trên được liên kết với tài khoản điện tử M1 để chuyển tiền và nhận tiền giao dịch liên quan đến việc bán tiền giả;

Nguyễn Thị Thanh T3 đã bán 159.000.000 đồng tiền giả cho các bị cáo:

Lâm Hữu Sơn 60.000.000 đồng và trả nợ bằng tiền giả cho S 7.000.000 đồng; Đỗ Quốc B 49.000.000 đồng; Lê Trường G và Nguyễn Ngọc S1 15.000.000 đồng; Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng và T cho lại T3 2.000.000 đồng tiền giả; Lê Dương Bảo C1 19.000.000 đồng và cho C1 2.000.000 đồng;

Ngoài ra, trong quá trình lưu hành tiền giả, T3 có giao 46.000.000 đồng tiền giả cho Đặng Ngọc H1 bán cho Lâm Hữu S 02 lần, số tiền 30.000.000 đồng và bán cho Đỗ Quốc B 02 lần, số tiền 16.000.000 đồng.

Hành vi cụ thể của từng bị cáo đã thực hiện như sau:

1. Giao dịch tiền giả giữa bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 và bị cáo Lâm Hữu S, bị cáo Đặng Ngọc H1:

Khoảng đầu năm 2022, S đến gặp T3 để đòi 7.000.000 đồng tiền gia đình T3 đã nợ, T3 đưa S 14 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng, tổng thành tiền là 7.000.000 đồng. Sau khi về nhà, S kiểm tra phát hiện 14 tờ tiền là giả, S yêu cầu đổi lại nhưng T3 không thực hiện nên S cất giấu số tiền này vào quyển tập học sinh để trong nhà S thuê;

Trong thời gian cất giữ, S lấy một số tờ tiền ra để đốt bỏ, đến ngày 23/6/2022, S kiểm tra còn lại 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng nên S mang đến tiệm T17 để nạp số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 1098753911393, mở tại Ngân hàng

Thương mại cổ phần C3 - Chi nhánh tỉnh T, do chị Đặng Thị Kim S2 đứng tên thì bị phát hiện, thu giữ tiền giả như đã nêu trên;

Ngoài ra, S còn khai nhận đã mua tiền giả của T3 06 lần, với tổng số tiền 60.000.000 đồng, S đã trả cho T3 12.000.000 đồng tiền thật. Trong đó: có 02 lần Đặng Ngọc H1 trực tiếp giao tiền giả cho S, gồm: ngày 08/6/2022 S đã chuyển số tiền 2.500.000 đồng vào tài khoản số 71110000451691 của T3 để mua 10.000.000 đồng tiền giả, sau đó S đến nhà trọ Mai X nhận tiền giả thì T3 không có ở nhà trọ nên T3 điện thoại chỉ nơi cất giấu tiền giả để H1 lấy tiền giả giao cho S và ngày 19/6/2022, S chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản số 223542581 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần V1 (V3) Chi nhánh tỉnh T do Đặng Ngọc H1 đứng tên để mua của T3 20.000.000 đồng tiền giả, chiều cùng ngày H1 trực tiếp giao tiền giả nên S trả thêm 1.000.000 đồng tiền thật để H1 mang về giao cho T3. Các lần mua tiền giả khác, S, T3 trực tiếp thỏa thuận việc giao tiền giả và thanh toán tiền mặt trực tiếp với nhau;

Đối với số tiền giả 60.000.000 đồng đã mua nêu trên, S khai đã bán lại theo tỉ lệ khoảng 3:10 (tức là 3.000.000 đồng tiền thật mua 10.000.000 đồng tiền giả) cho Đinh Quang D, sinh năm 1982, cư trú số H Đường C, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre số tiền 20.000.000 đồng; bán cho T4 (không rõ họ tên, chỉ biết cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang) số tiền 20.000.000 đồng; bán cho T5 đỏ (không rõ họ tên, chỉ biết cư trú thành phố B, tỉnh Bến Tre) số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền thật S thu được là 15.000.000 đồng;

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, số seri BK 20367073; 01 (một) điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A31; 01 (một) máy tính bảng màu trắng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab 4.7.0; 01 (một) quyển tập học sinh, bên trong có chữ viết của Lâm Hữu S.; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vario màu đỏ đen, biển số 63C1-056.26 (thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T3); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision màu đỏ, biển số 71C2-492.45 (do Đặng Thị T6 giao nộp).

Kết luận giám định số 688/KL-KTHS(Đ2) ngày 28/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: "01 (một) tờ tiền P1, loại mệnh giá 500.000 đồng có số seri BK 20367073 là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu".

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 và Lâm Hữu S tàng trữ, lưu hành 67.000.000 đồng; bị cáo Đặng Ngọc H1 giúp sức lưu hành 30.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 thu lợi bất chính số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Lâm Hữu S thu lợi bất chính số tiền 3.000.000 đồng (Số tiền thật thu được là 15.000.000 đồng - 12.000.000 đồng đã trả cho T3).

2. Giao dịch tiền giả giữa bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 và bị cáo Đỗ Quốc B, bị cáo Đặng Ngọc H1:

Khoảng đầu tháng 5 năm 2022, Đỗ Quốc B quen biết với Phạm Lữ Hoài A, sinh năm 1983, cư trú số A đường H, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và nhờ A tìm nơi mua tiền giả. Thông qua A, B quen biết và mua tiền giả của

Nguyễn Thị Thanh T3 06 lần, với tổng số tiền 49.000.000 đồng, tỉ lệ thỏa thuận mua bán khoảng 1:3 (tức là 1.500.000 đồng tiền thật mua 5.000.000 đồng tiền giả; 2.500.000 đồng tiền thật mua 10.000.000 đồng tiền giả), tuy nhiên mỗi lần mua tiền giả T3 có thể cho B thêm tiền giả;

Cụ thể: Ngày 05/5/2022, B chuyển 2.000.000 đồng tiền thật vào tài khoản V2 của T3 để mua 7.000.000 đồng tiền giả; ngày 07/5/2022, B trả 3.000.000 đồng tiền thật để mua 10.000.000 đồng tiền giả, T3 cho thêm B 1.000.000 đồng tiền giả; ngày 08/5/2022, B trả 2.500.000 đồng tiền thật để mua 10.000.000 đồng tiền giả, T3 cho thêm B 1.000.000 đồng tiền giả; ngày 17/5/2022, B trả 1.500.000 đồng tiền thật để mua 5.000.000 đồng tiền giả; ngày 04/6/2022, B trả 2.500.000 đồng tiền thật để mua 10.000.000 đồng tiền giả, T3 cho thêm B 1.000.000 đồng tiền giả; ngày 17/6/2022, B trả 1.500.000 đồng tiền thật để mua 5.000.000 đồng tiền giả. Đối với 02 lần B mua tiền giả ngày 04/6/2022 và 17/6/2022, do T3 không có nhà nên điện thoại cho Đặng Ngọc H1 chỉ chỗ giấu tiền giả, kêu giao tiền giả cho B và nhận tiền thật trực tiếp từ B trả để giao lại cho T3.

Ngoài ra, khoảng giữa tháng 5/2022 đến ngày 27/6/2022, B còn mua các phương tiện, dụng cụ như điện thoại di động hiệu Xiaomi Note 8, máy in màu, máy ép nhiệt, giấy bóng mờ, màng ép nhiệt, bàn cắt giấy, giấy, dao để làm tiền giả mệnh giá 500.000 đồng/tờ và 01 tờ 100USD. Quá trình làm tiền giả, B chỉ làm được 01 tờ 100USD hoàn chỉnh bỏ vào bóp da cất giữ đến khi bị bắt.

Khám xét Căn hộ A7-7.11 Chung cư E, tại Khu phố B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ:

11 tờ tiền Việt Nam đồng, mỗi tờ có mệnh giá 500.000 đồng, có số seri như sau: HQ18921299 (05 tờ); BK20367073 (02 tờ); HQ18921280; KX16291877; DT 18423274; FG18921063.

01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 100USD, có số seri LE 00000099D.

Quá trình khám xét thu giữ 01 (một) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000 đồng, có số seri DT18423274.

01 điện thoại di động, hiệu Xiaomi Note 8; 01 cuộn giấy bóng mờ, kích cỡ 75cm; 01 cuộn màng Polymer ép nhiệt, kích thước 31cm; 01 máy in màu đen CANON IP2770; 04 chai mực in màu không rõ kích thước; 01 máy cán nhiệt màu trắng - xám, hiệu YATAI; 01 bàn cắt giấy, kích thước (37x31) cm; 01 laptop màu hồng nhãn hiệu Macbook Air.

Phan Thị Mộng T7: 22 (hai mươi hai) tờ tiền giả, mệnh giá 500.000 đồng/tờ, có các số seri như sau: AQ 18912196, HQ 18921210 (03 tờ), HQ18921299, HQ 18921219 (04 tờ), DT 18423212, DT 18423216, DT 18423274, FE 18921076, FG 18921014 (04 tờ), BK 20367013 (02 tờ), BK 20367018, FG 18921016 (02 tờ).

Trần Phước M2: 04 (bốn) tờ tiền Polymer mệnh giá 500.000 đồng, có số seri như sau: AQ18921296; AQ18921296; FG18921043; HQ18921249 (do Trần Phước M2 giao nộp).

Châu Hà H2: 11 (mười một) tờ tiền Polymer mệnh giá 500.000, có các số seri: HQ18921280 (02 tờ), HQ18921299, BK20367082, DT18423283, DT18423204, AQ18921296, FG18921081, FG18921074, FG18921043, FE18921076.

Lê Thị L: 21 (hai mươi mốt) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, có các số seri: FE18921071, FG18921073, FE18921076, FG18921043, BK20367043, AQ18921296, HQ18921269, DT18423202, DT18423203 (02 tờ), FG18921081 (02 tờ), BK20367036 (03 tờ), BK20367033 (03 tờ), HQ18921299 (03 tờ).

Kết luận giám định số số 618/KL-KTHS ngày 02/7/2022 của Phòng K Công an tỉnh K (đối với tiền thu giữ khi khám xét Căn hộ A7-7.11), kết luận: 11 (mười một) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng mẫu cần giám định là tiền giả;

Tờ đô la Mỹ mệnh giá 100USD, có số seri: LE 00000099D là tiền giả.

Kết luận giám định số 646/KL-KHS(Đ2) ngày 15/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh T (đối với tiền thu giữ của chị Phan Thị Mộng T7), kết luận: "22 (hai mươi hai) tờ tiền P1, mệnh giá 500.000 đồng, có số seri như sau: DT 18423212, DT 18423216, DT 18423274, HQ 18921219 (04 tờ), BK 20367013 (02 tờ), FG 18921016 (02 tờ), BK 20367018, HQ18921299, FE 18921076, FG 18921014 (04 tờ), AQ 18912196, HQ 18921210 (03 tờ) là tiền giả".

Kết luận giám định số 564/KL-KTHS ngày 24/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh K (đối với số tiền thu giữ của anh Trần Phước M2), kết luận: "04 (bốn) tờ tiền Việt Nam đồng mẫu cần giám định là tiền giả".

Kết luận giám định số 1138/KL-KTHS ngày 28/11/2022 của Phòng K Công an tỉnh K (đối với số tiền thu giữ của Châu Hà H2 và khám xét), kết luận: "12 (mười hai) tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng mẫu cần giám định là tiền giả và được tạo ra bằng phương pháp in phun màu".

Kết luận giám định số 3538/KL-KTHS ngày 24/6/2022 của Phòng K Công an Thành phố H (đối với số tiền thu giữ của chị Lê Thị L), kết luận: "21 (hai mươi mốt) tờ giấy bạc cần giám định là giả".

Biên bản xác định tỉ giá USD và Việt Nam đồng ngày 09/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh T, xác định 100USD có có tỉ giá quy đổi là 2.310.200 Việt Nam đồng.

Đối với số tiền 49.000.000 đồng giả đã mua của Nguyễn Thị Thanh T3, gồm 98 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, Đỗ Quốc B đã lưu hành 43.000.000 đồng, gồm 86 tờ, còn lại 12 tờ đã đã thu giữ khi khám xét. Cụ thể quá trình lưu hành tiền giả của Đỗ Quốc B như sau:

Ngày 05/5/2022, B đi cùng Phạm Lữ Hoài A đến gặp T3, B trực tiếp thỏa thuận mua 7.000.000 đồng tiền giả của T3, sau đó B cùng A đi đến thành phố Hồ Chí Minh, B cho A 1.000.000 đồng tiền giả để lưu hành. B sử dụng để mua hàng hóa và tiêu xài 5.500.000 đồng; còn lại 500.000 đồng B cất giấu trong bóp cá nhân.

Ngày 07/5/2022, sau khi mua 11.000.000 đồng tiền giả của T3, B đến Thành phố Hồ Chí Minh gặp chị Lê Thị L, sinh năm 1998, cư trú RP2 04.10 Chung cư R,

tại Số H, H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để mua 01 laptop hiệu Macbook Air 2017 với giá 11.400.000 đồng, B trả 10.500.000 đồng tiền giả (gồm 01 tờ 500.000 đồng mua ngày 05/5/2022 và 20 tờ 500.000 đồng mua ngày 07/5/2022), còn lại 900.000 B chưa thanh toán cho chị L.

Ngày 08/5/2022, sau khi mua 10.000.000 đồng tiền giả của T3, B đi đến tỉnh Kiên Giang để lưu hành số tiền này. Cụ thể: Ngày 09/5/2022, B đưa cho Trần Minh C2, sinh năm 1999, cư trú số H đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng để mua bia nhưng C2 không mua, không biết tiền giả nên đã tiêu xài cá nhân;

Trong ngày 09/5/2022, B cầm 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 10S tại tiệm cầm đồ Phúc Lợi do anh Trần Phước M2, sinh năm 1978, cư trú số B đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang được 3.000.000 đồng, B đưa thêm cho anh M2 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng, thành tiền là 2.000.000 đồng để anh M2 chuyển khoản cho T3 số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó, B sử dụng 11 tờ tiền giả mua 01 điện thoại Xiaomi 11 Lite 5G của anh Châu Hà H2, sinh năm 1978, cư trú Số A, đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang với giá 5.500.000 đồng. Đối với 3.000.000 đồng còn lại, B sử dụng mua các vật dụng tiêu xài cá nhân không rõ địa điểm cụ thể và nhận được 1.060.000 đồng tiền thừa.

Ngày 17/5/2022, sau khi mua 5.000.000 đồng tiền giả, gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng của T3, B sử dụng 08 tờ để tiêu xài cá nhân, mua dụng cụ để làm tiền giả và nhận được 2.175.000 đồng tiền thừa. Còn lại 02 tờ tiền giả B cất giấu sử dụng sau.

Ngày 04/6/2022, sau khi mua 11.000.000 đồng tiền giả của T3 do Đặng Ngọc H1 là người trực tiếp giao, B thuê xe ô tô tự lái đến mua 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 5G 11T của chị Phạm Ngọc Mộng T8, sinh ngày 12/8/2005, cư trú ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang với giá 11.000.000 đồng, B thanh toán cho chị T8 giả vừa mua của T3.

Ngày 17/6/2022, sau khi mua 5.000.0000 đồng tiền giả của T3 do Đặng Ngọc H1 là người trực tiếp giao, B mang số tiền này về cất giấu tại Căn hộ A7-7.11 Chung cư EHOME3 Tây S, tại Khu phố B, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh đến khi Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 tàng trữ, lưu hành 49.000.000 đồng; Bị cáo Đỗ Quốc B làm, tàng trữ, lưu hành 51.310.200 đồng (gồm tiền Việt Nam 49.000.000 đồng và 100USD là 2.310.200 đồng; Đặng Ngọc H1 giúp sức lưu hành 16.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 thu lợi bất chính số tiền 13.000.000 đồng; Bị cáo Đỗ Quốc B thu lợi bất chính số tiền 13.000.000 đồng (có được khi lưu hành tiền giả để mua hàng hóa, tiêu xài cá nhân vào các ngày 05/5/2022, 08/5/2022 và 17/5/2022).

3. Giao dịch tiền giả giữa bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Lê Trường G, bị cáo Nguyễn Ngọc S1:

Lê Trường G quen biết với Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Văn T do sử dụng ma túy chung, do đó G biết T3 và T có bán tiền giả nên bàn bạc thống nhất với Nguyễn Ngọc S1 mua tiền giả về bán lại nhằm hưởng chênh lệch. Từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022, G và Sáng đã 05 lần mua 23.000.000 đồng tiền giả, gồm 46 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng/tờ, trong đó mua của T3 15.000.000 đồng tiền giả, mua của Nguyễn Văn T 8.000.000 đồng tiền giả. Cụ thể quá trình mua bán, lưu hành tiền giả diễn ra như sau:

Lần 1: Khoảng đầu tháng 6 năm 2022, G mua của Nguyễn Văn T 3.000.000 đồng tiền giả, với giá 1.000.000 đồng tiền thật, G thanh toán bằng cách nạp tiền mặt vào tài khoản ví Momo tên Nguyễn Anh V, cư trú ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thông qua số điện thoại 0932627611 do T cung cấp. Sau khi nhận được tiền giả, G và Sáng lưu hành như sau:

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, sau khi nhận 3.000.000 đồng tiền giả, G điều khiển xe mô tô hiệu Exiter, biển kiểm soát 63B9-824.95 đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị Bạch T9, sinh năm 1969, cư trú ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An để mua hàng hóa trị giá 410.000 đồng, S1 thanh toán bằng 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng và nhận được 90.000 đồng tiền thừa. Sau đó, chị T9 phát hiện tiền giả nên đã giao nộp số tiền giả nêu trên cho Cơ quan điều tra.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, G cùng S1 đến tiệm tạp hóa của chị Đặng Thị N3, sinh năm 1966, cư trú ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang để mua 1.000.000 đồng thẻ cào điện thoại và thanh toán bằng 02 tờ tiền giả. Sau đó, chị N3 phát hiện tiền giả đã giao nộp số tiền giả nêu trên cho Cơ quan điều tra.

Còn 03 tờ tiền giả còn lại G sử dụng thanh toán khi mua đồ dùng cá nhân nên không nhớ rõ địa chỉ sử dụng.

Lần 2: Khoảng giữa tháng 6 năm 2022, G mua của T 5.000.000 đồng tiền giả, với giá 1.500.000 đồng tiền thật, G thanh toán bằng cách nạp tiền mặt vào tài khoản ví Momo tên Nguyễn Anh V do T cung cấp. Sau khi nhận được tiền giả, G và S1 sử dụng như sau:

Ngày 18 tháng 6 năm 2022, G và Sáng đến tiệm tạp hóa của chị Văng Thị Bạch T10, sinh năm 1970, cư trú ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang để mua 1.000.000 đồng thẻ cào điện thoại, G thanh toán bằng 02 tờ tiền giả. Sau đó, G và S1 đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị Anh T11, sinh năm 1980, cư trú ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang để mua hàng hóa trị giá 150.000 đồng, G thanh toán bằng 01 tờ tiền giả và nhận được 350.000 đồng tiền thừa. Đối với chị T10 và chị T11, sau khi phát hiện tiền giả đã giao nộp số tiền giả nêu trên cho Cơ quan điều tra.

G khai đưa cho S1 04 tờ tiền giả bán cho Dương Minh Q, sinh năm 1994, cư trú ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang để nhận 1.000.000 đồng tiền thật nhưng S1 không gặp anh Q nên giao 04 tờ tiền giả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm 1997, cư trú ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang và nhận 1.000.000 đồng tiền thật nhưng anh Q, chị L1 không thừa nhận nội dung này.

Đối với 03 tờ tiền còn lại, G sử dụng để mua đồ dùng cá nhân nên không nhớ rõ địa chỉ sử dụng.

Lần 3: Khoảng giữa tháng 7 năm 2022, G mua của T3 5.000.000 đồng tiền giả, với giá 1.500.000 đồng tiền thật, G trả tiền thật trực tiếp cho T3. Sau khi nhận được tiền giả, G khai bán cho Dương Minh Q 05 tờ tiền giả và nhận 1.000.000 đồng tiền thật nhưng anh Q không thừa nhận nội dung này; G giữ 02 tờ tiền giả bị mưa ướt bị lem màu nên vứt bỏ không nhớ rõ vị trí. Sáng giữ 03 tờ tiền giả đi mua 50.000 đồng thẻ cào điện thoại tại tiệm tạp hóa của bà Nguyễn Ngọc H3, sinh năm 1959, cư trú ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang, thanh toán bằng 01 tờ tiền giả và nhận được 450.000 đồng tiền thừa; Sáng sử dụng 02 tờ tiền giả để mua 1.000.000 đồng thẻ cào điện thoại tại tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị X1, sinh năm 1981, cư trú ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Bà H3 sau khi phát hiện tiền giả đã giao nộp số tiền giả nêu trên cho Cơ quan điều tra, riêng chị X1 không biết tiền giả nên đã thực hiện thanh toán cho các đại lý nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Lần 4: Khoảng cuối tháng 7 năm 2022, G mua của T3 5.000.000 đồng tiền giả, với giá 1.500.000 đồng tiền thật, G thanh toán bằng cách chuyển khoản vào ví Momo của T3, S1 trực tiếp đến nhận tiền giả về giao lại cho G để sử dụng. Theo lời khai của G số tiền giả sau khi nhận từ Sáng đã bị ướt, lem màu nên bị cáo không đưa vào lưu hành mà vứt bỏ không rõ vị trí nên Cơ quan điều tra có cơ sở để truy tìm, thu hồi số tiền này.

Lần 5: vào ngày 05 tháng 8 năm 2022, G mua của T3 5.000.000 đồng tiền giả, với giá 1.500.000 đồng tiền thật, G thanh toán bằng cách chuyển 1.200.000 đồng vào ví Momo của T3, còn nợ lại 300.000 đồng, S1 trực tiếp đến nhận tiền giả về để sử dụng. Sáng sử dụng để tiêu xài cá nhân 02 tờ, không nhớ rõ vị trí cụ thể; 08 tờ còn lại Sáng bán cho người nam tên N4 (không rõ họ tên, địa chỉ), nhận lại 1.500.000 đồng.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ: Đặng Thị N3: 02 (hai) tờ tiền Polymer, số seri DT 18423274 và FG 18921063; Văng Thị Bạch Tuyết: 02 (hai) tờ tiền Polymer có cùng số seri FG 18921063; Nguyễn Ngọc H3: 01 (một) tờ tiền Polymer có số seri BK 20367073;Nguyễn Thị Bạch T9: 01 (một) tờ tiền Polymer có số seri DT 18423212; Nguyễn Thị Anh T11: 01 (một) tờ tiền Polymer có số seri HQ 18921299.

Kết luận giám định số 683/KL-KHS(Đ2) ngày 27/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh T (đối với tiền thu giữ của Đặng Thị N3), kết luận: "02 (hai) tờ tiền P1 mệnh giá 500.000 đồng, số seri: DT 18423274 và FG 18921063 6890973 là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu".

Kết luận giám định số 839/KL-KHS(Đ2) ngày 15/8/2022 của Phòng K Công an tỉnh T (đối với tiền thu giữ của Văng Thị Bạch T10 và Nguyễn Ngọc H3), kết luận:

“02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có cùng số seri: FG 18921063 gửi giám định ký hiệu A1, A2 là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có cùng số seri: BK 20367073 gửi giám định ký hiệu A3 là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu”.

Kết luận giám định số 1153/KL-KHS(Đ2) ngày 08/11/2022 của Phòng K Công an tỉnh T (đối với tiền thu giữ của Nguyễn Thị Bạch T9 và Nguyễn Thị Anh T11), kết luận: “01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: DT 18423212 gửi giám định là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng, có số seri: HQ 18921299 gửi giám định là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu”.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 tàng trữ, lưu hành 15.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn T tàng trữ, lưu hành 8.000.000 đồng; Các bị cáo Lê Trường G và Nguyễn Ngọc S1 đồng phạm tàng trữ, lưu hành 23.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 thu lợi bất chính số tiền 4.200.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn Trung t lợi bất chính số tiền 2.500.000 đồng; Các bị cáo Lê Trường G, Nguyễn Ngọc S1 thu lợi bất chính 6.000.000 đồng (có được khi lưu hành tiền giả để mua hàng hóa, tiêu xài cá nhân và bán lại tiền giả cho Q, N4).

4. Giao dịch tiền giả giữa bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 và bị cáo Nguyễn Văn T:

Theo T khai khi mua bán rau cải người mua thối lại 01 tờ tiền sau đó phát hiện giả mệnh giá 500.000 đồng nên cất giấu để sử dụng. Ngày 27 tháng 11 năm 2021, T mang đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị Phương T12, sinh năm 1970, cư trú ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang để nhờ chị T12 nạp số tiền 380.000 đồng vào tài khoản ví Momo tên Trương Thị Mỹ T13, sinh năm 1996, cư trú số 24C/3 ấp M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang bằng số điện thoại 0329664938, phí giao dịch là 20.000 đồng, T đưa 01 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng nên được nhận lại 100.000 đồng tiền thừa. Sau khi phát hiện tiền giả, chị T12 điện thoại đã yêu cầu nạp tiền để đổi lại tiền thật nhưng chị T13 không thực hiện, sau đó chị T12 đã giao nộp tiền giả cho Cơ quan điều tra.

Về nguồn gốc tiền giả bán cho G, Sáng như đã nêu trên, T khai mua của Nguyễn Thị Thanh T3 10.000.000 đồng, trả bằng 3.000.000 đồng tiền thật, sau đó T lại cho T3 2.000.000 đồng. Còn 8.000.000 đồng tiền giả T bán cho Lê Trường G và Nguyễn Ngọc S1 như đã nêu trên.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) tờ tiền Việt Nam đồng, có số seri XL16890973.

Kết luận giám định số 1148 ngày 17/12/2021 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Tờ tiền Việt Nam loại Polymer mệnh giá 500.000 đồng, số seri “XL16890973” gửi giám định là tiền giả, được tạo ra bằng phương pháp in lazer màu.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 tàng trữ, lưu hành 7.000.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn T tàng trữ, lưu hành 12.500.000 đồng (gồm: 500.000 đồng có được từ bán rau, 10.000.000 đồng khai đã mua của T3, 2.000.000 đồng T cho lại T3).

5. Giao dịch tiền giả giữa bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3, bị cáo Lê Dương Bảo C1 và bị cáo Huỳnh Thành T14:

Lê Dương Bảo C1 quen biết với Nguyễn Thị Thanh T3 và biết T3 có bán tiền giả nên C1 đã mua của T3 05 lần tiền giả, với tổng số 19.000.000 đồng, trả bằng 5.000.000 đồng tiền thật. Đồng thời, quá trình mua tiền giả, T3 có cho riêng C1 2.000.000 đồng.

Số tiền giả đã mua của T3, C1 đưa vào lưu hành như sau:

Đầu năm 2022, C1 để 04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 2.000.000 đồng mà T3 đã cho trong bóp da thì chị Nguyễn Thị Phượng N5, sinh năm 1998, cư trú ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang lấy 02 tờ tiền giả với tổng số tiền 1.000.0000 đồng đi mua mỹ phẩm ở cửa hàng Nhật K tại vòng xoay xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang do chị Đoàn Thị Kim H4, sinh năm 2000, cư trú ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang với tổng số tiền 750.000 đồng, N5 đưa 02 tờ tiền giả nên được trả 250.000 đồng tiền thừa. Sau khi phát hiện tiền giả, chị H4 đã yêu cầu N5 mang tiền thật ra đổi lại nên C1 đưa tiền để N5 giao lại cho chị H4; Riêng 02 tờ tiền giả, chị H4 đã đốt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Khi biết chị N5 lấy tiền đi mua mỹ phẩm bị phát hiện là giả nên C1 đã ném bỏ 02 tờ tiền giả còn lại nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Khoảng đầu tháng 4/2022, C1 biết Huỳnh Thành T14 có nhu cầu mua tiền giả để lưu hành nên C1 mua của T3 19.000.000 đồng, trong đó bán lại cho T14 11.500.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: C1 bán cho T14 6.500.000 đồng tiền giả, trả bằng 4.000.000 đồng tiền thật, C1 giao tiền giả cho T14 tại Karaoke S, thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi nhận tiền giả, T14 điều khiển xe mô tô 63B8-126.24 mang theo 7.000.000 đồng (trong đó có 6.500.000 đồng tiền giả) đến yêu cầu anh Nguyễn Minh P, sinh năm 1985, cư trú ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang chuyển tiền vào tài khoản số 19034824211011 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K1 chi nhánh tỉnh T do Dương Minh Ú, sinh năm 1991, cư trú ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền giang đứng tên. Sau khi nạp tiền xong, anh P kiểm tra lại phát hiện 13 tờ 500.000 đồng với tổng số tiền 6.500.000 đồng là giả nên giao nộp Cơ quan điều tra.

Lần 2: C1 bán cho T14 5.000.000 đồng tiền giả, trả bằng 1.500.000 đồng tiền thật, C1 giao tiền cho T14 tại nhà trọ ở xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi nhận tiền giả, T14 đưa cho chị Hồ Thị Kim T15 sinh năm 1995, ngụ ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang 3.600.000 đồng (có 06 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng) đến nhà nhờ Lê Thị Kim N6, sinh năm 1984, cư trú ấp B, xã B,

huyện C, tỉnh Tiền Giang chuyển số tiền nêu trên vào tài khoản số 19034824211011 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần K1 chi nhánh tỉnh T do Dương Minh Ú đứng tên. Khoảng 30 phút sau khi chị T15 chuyển tiền xong, T14 đến nhà đưa chị N6 2.000.000 đồng tiền mặt (04 tờ tiền giả mệnh giá 500.000 đồng) nhờ chuyển vào tài khoản 070061388034 tại Ngân hàng thương mại cổ phần S3 (S4) Chi nhánh tỉnh T mang tên Hồ Thị Kim T15. Sau khi nhận tiền và chuyển khoản xong, N6 nghi ngờ số tiền mặt đã nhận là tiền giả trình báo và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngoài số tiền bán cho T14, đối với 15 tờ số tiền 7.500.000 đồng tiền giả còn lại, ngày 30/5/2022 C1 giấu vào bóp dao bỏ vào túi quần sau 03 tờ tiền giả, với tổng số tiền 1.500.000 đồng đến Phòng VIP 4 Doanh nghiệp tư nhân M3 (Karaoke T), địa chỉ ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; tại đây, trong lúc hát Karaoke C1 cho anh Lê Quang T16, sinh năm 1978, cư trú ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang 01 tờ, còn 02 tờ bị Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ; Đối với 12 tờ với tổng số 6.000.000 đồng, theo C1 khai sau khi bị phát hiện tàng trữ tiền giả và làm việc với Cơ quan điều tra, C1 đã đốt bỏ số tiền này nhưng không nhớ rõ vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không thể thu hồi được.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ 26 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, gồm: Lê Quang T16 01 tờ tiền có các số seri DT18423274, ký hiệu khi giám định là A1; Lê Dương Bảo C1 02 tờ tiền có các số seri: DT18423274, BK20367073; Nguyễn Minh P 13 tờ tiền có số seri: QX18921031, VB18423234 (2 tờ), QX18921008 (2 tờ), QX18921068 (2 tờ), JK20367082 (3 tờ), EQ18921307 (3 tờ); Lê Thị Kim N6 10 tờ tiền có các số seri: QX18921031; QX18921031; JK 20367042; JK 20367042, QX 18921008, QX 18921008, VB 18423204, EQ 18921337; JK 20367082 và EQ 18921307.

Kết luận giám định số 601/KL-KTHS(Đ2) ngày 03/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

Số tiền trong bì thư được niêm phong có chữ ký, chữ viết họ tên Lê Quang T16 gồm 01 (một) tờ P1 mệnh giá 500.000 đồng, có seri DT18423274 là tiền giả.

Số tiền trong bì thư được niêm phong có chữ ký, chữ viết họ tên Lê Dương Bảo C1 gồm 02 (một) tờ P1 mệnh giá 500.000 đồng, có seri DT18423274, BK20367073 là tiền giả.

Kết luận giám định số 390/KL-KTHS (Đ2) ngày 22/4/2022 của Phòng K Công an tỉnh T (đối với tiền thu giữ của Lê Thị Kim N6), kết luận: "10 (mười) tờ tiền P1, loại mệnh giá 500.000 đồng có các số seri: QX18921031; QX18921031; JK 20367042; JK 20367042, QX 18921008, QX 18921008, VB 18423204, EQ 18921337; JK 20367082 và EQ 18921307 đều là tiền giả".

Kết luận giám định số 650/KL-KTHS (Đ2) ngày 20/6/2022 của Phòng K Công an tỉnh T (đối với tiền thu giữ của Nguyễn Minh P), kết luận: "13 (mười ba) tờ tiền P1, loại mệnh giá 500.000 đồng có các số seri: QX18921031; VB18423234 (02 tờ); QX 18921008 (02 tờ); JK 20367082 (03 tờ), EQ 18921307 (03 tờ) là tiền giả".

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 tàng trữ, lưu hành 21.000.000 đồng; Bị cáo Lê Dương Bảo C1 tàng trữ, lưu hành 21.000.000 đồng; Bị cáo Huỳnh Thành T14 tàng trữ, lưu hành 11.500.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 thu lợi bất chính số tiền 5.000.000 đồng; Bị cáo Lê Dương Bảo C1 thu lợi bất chính số tiền 500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKSTG-P2 ngày 20 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3, Lâm Hữu S đã phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Đỗ Quốc B đã phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả" quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự;

Các bị cáo Lê Trường G, Nguyễn Ngọc S1, Lê Dương Bảo C1, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thành T14 đã phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả" quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Đặng Ngọc H1, đã phạm tội "Lưu hành tiền giả" quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3, Lâm Hữu S, Lê Trường G, Nguyễn Ngọc S1, Lê Dương Bảo C1, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thành T14 phạm tội "Tàng trữ, lưu hành tiền giả";

Bị cáo Đỗ Quốc B phạm tội "Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả";

Bị cáo Đặng Ngọc H1 phạm tội "Lưu hành tiền giả";

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 19 (mười chín) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lâm Hữu S 16 (mười sáu) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2022.

Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc B 14 (mười bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2022.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc H1 09 (chín) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 21/11/2022.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Trường G 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2022.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S1 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2022.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Dương Bảo C1 08 (tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2023.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2022.

Áp dụng khoản 2 Điều 207; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thành T14 06 (sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần dân sự, xử lý tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2023, ngày 28/7/2023, ngày 31/7/2023 các bị cáo Lâm Hữu S. Đỗ Quốc B, Nguyễn Văn T cùng làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lâm Hữu S và bị cáo Nguyễn Văn T rút toàn bộ kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

Đối với bị cáo Đỗ Quốc B: Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Quốc B 14 (mười bốn) năm tù là có căn cứ đúng pháp luật không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không có đưa ra tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo B.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lâm Hữu S và bị cáo Nguyễn Văn T rút toàn bộ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo S và T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo B trình bày: Luật sư không tranh luận về tội danh, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt như: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại được số tiền 6.000.000 đồng, người bị hại có đơn xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công cách mạng nên, gia đình có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính trong gia đình. Do bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo B xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Lâm Hữu S, Đỗ Quốc B, Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa bị cáo Lâm Hữu S và Nguyễn Văn T đã rút toàn bộ kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo S và T là tự nguyện. Do vậy, căn cứ vào Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ phần rút kháng cáo của bị cáo Lâm Hữu S và Nguyễn Văn T bản án sơ thẩm liên quan đến phần kháng cáo của các bị cáo đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Từ cuối năm 2021 đến tháng 7 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 đã nhiều lần mua 159.000.000 đồng tiền giả, mệnh giá mỗi tờ 500.000 đồng về tàng trữ với mục đích bán lại để hưởng tiền chênh lệch. Sau đó, bị cáo T3 bán lại và cho các bị cáo Lâm Hữu S 67.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Quốc B 49.000.000 đồng, bị cáo Lê Trường G và bị cáo Nguyễn Ngọc S1 15.000.000 đồng, bị cáo Lê Dương Bảo C1 21.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T 7.000.000 đồng; Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn T bán lại cho bị cáo Lê Trường G, bị cáo Nguyễn Ngọc S1 8.000.000 đồng, bị cáo Lê Dương Bảo C1 bán lại cho bị cáo Huỳnh Thành T14 11.500.000 đồng để các bị cáo tiếp tục lưu hành tiền giả trên địa bàn các tỉnh Tiền Giang, tỉnh Kiên Giang và Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị cáo Đặng Ngọc H1 giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3 bán 46.000.000 đồng tiền giả cho bị cáo Lâm Hữu S và bị cáo Đỗ Quốc B. Ngoài ra, bị cáo Đỗ Quốc B còn sử dụng điện thoại di động Xiaomi Note 8, máy in, máy ép nhiệt, giấy A4, giấy bóng mờ,... để làm 01 tờ tiền giả mệnh giá 100USD;

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3, Lâm Hữu S, Đỗ Quốc B, Đặng Ngọc H1, Lê Trường G, Nguyễn Ngọc S1, Lê Dương Bảo C1, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thành T14 đã cho lưu hành tiền giả trên thị trường nhằm thu lợi bất chính từ việc trao đổi dưới mọi hình thức, trong đó có bị cáo Đặng Ngọc H1 giúp sức cho Nguyễn Thị Thanh T3 bán tiền giả cho các bị cáo khác để lưu hành trên thị trường và bị cáo Đỗ Quốc B đã làm ra tiền giả;

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T3, Lâm Hữu S, Đỗ Quốc B, Đặng Ngọc H1, Lê Trường G, Nguyễn Ngọc S1, Lê Dương Bảo C1, Nguyễn Văn T, Huỳnh Thành T14 biết rằng cố ý thực hiện hành vi làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả là hành vi gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại lợi ích cho Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân, khi các bị cáo cho lưu hành tiền giả trên thị trường. Hành vi của các bị cáo là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội làm cho nhân dân hoang mang, lo sợ khi trao đổi, mua bán hàng hóa;

Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Quốc B về tội *"Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả"* theo quy định tại khoản 3 Điều 207 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo cũng như tính chất mức độ vai trò của bị cáo Đỗ Quốc B:

Khoảng đầu tháng 5 năm 2022, Đỗ Quốc B quen biết với Phạm Lữ Hoài A, sinh năm 1983, cư trú số A đường H, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và nhờ A tìm nơi mua tiền giả. Thông qua A, B quen biết và mua tiền giả của Nguyễn Thị Thanh T3 06 lần, với tổng số tiền 49.000.000 đồng, tỉ lệ thỏa thuận mua bán khoảng 1:3 (tức là 1.500.000 đồng tiền thật mua 5.000.000 đồng tiền giả; 2.500.000 đồng tiền thật mua 10.000.000 đồng tiền giả), tuy nhiên mỗi lần mua tiền giả T3 có thể cho B thêm tiền giả;

Cụ thể: Ngày 05/5/2022, B chuyển 2.000.000 đồng tiền thật vào tài khoản V2 của T3 để mua 7.000.000 đồng tiền giả; ngày 07/5/2022, B trả 3.000.000 đồng tiền thật để mua 10.000.000 đồng tiền giả, T3 cho thêm B 1.000.000 đồng tiền giả; ngày 08/5/2022, B trả 2.500.000 đồng tiền thật để mua 10.000.000 đồng tiền giả, T3 cho thêm B 1.000.000 đồng tiền giả; ngày 17/5/2022, B trả 1.500.000 đồng tiền thật để mua 5.000.000 đồng tiền giả; ngày 04/6/2022, B trả 2.500.000 đồng tiền thật để mua 10.000.000 đồng tiền giả, T3 cho thêm B 1.000.000 đồng tiền giả; ngày 17/6/2022, B trả 1.500.000 đồng tiền thật để mua 5.000.000 đồng tiền giả. Đối với 02 lần B mua tiền giả ngày 04/6/2022 và 17/6/2022, do T3 không có nhà nên điện thoại cho Đặng Ngọc H1 chỉ chỗ giấu tiền giả, kêu giao tiền giả cho B và nhận tiền thật trực tiếp từ B trả để giao lại cho T3;

Ngoài ra, khoảng giữa tháng 5/2022 đến ngày 27/6/2022, B còn mua các phương tiện, dụng cụ như điện thoại di động hiệu Xiaomi Note 8, máy in màu, máy ép nhiệt, giấy bóng mờ, màng ép nhiệt, bàn cắt giấy, giấy, dao để làm tiền giả mệnh giá 500.000 đồng/tờ và 01 tờ 100USD. Quá trình làm tiền giả, B chỉ làm được 01 tờ 100USD hoàn chỉnh bỏ vào bóp da cất giữ đến khi bị bắt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Đỗ Quốc B khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải. Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo Đỗ Quốc B đã vận động gia đình bồi thường cho người bị hại Lê Thị L số tiền 6.000.000 đồng và người bị hại có văn bản xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Gia đình bị cáo có công cách mạng nên cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại" được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[6] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, mặc dù bị cáo Đỗ Quốc B có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý độc quyền của nhà nước về tiền tệ của Nhà nước, hành vi gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại lợi ích cho Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân, khi các bị cáo cho lưu hành tiền giả trên thị trường. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo Đỗ Quốc B và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Đỗ Quốc B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Đỗ Quốc B không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lâm Hữu S và Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Đình chỉ phần rút kháng cáo của bị cáo Lâm Hữu S và Nguyễn Văn T bản án sơ thẩm liên quan đến phần kháng cáo của bị cáo có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Quốc B.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

1. Tuyên bố: Tuyên bố bị cáo Đỗ Quốc B phạm tội *"Làm, tàng trữ, lưu hành tiền giả"*;

2. Áp dụng khoản 3 Điều 207; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc B 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/6/2022.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đỗ Quốc B để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đỗ Quốc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lâm Hữu S và Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Công an tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- TTG CA tỉnh Tiền Giang;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tâm